

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ VỊ THANH  
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 169/2021/DS-ST  
Ngày: 16/12/2021  
V/v tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VỊ THANH, TỈNH HẬU GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Huỳnh Xuân Tình.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Thanh Hải.

2. Bà Lý Thị Thu Thúy.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lý Sơn Thanh Phong – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 16 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 141/2021/TLST-DS ngày 18 tháng 10 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2021/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 108/2021/QĐST-DS ngày 06 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lê Nam T, sinh năm 1988.

Địa chỉ: số 119, đường T, khu vực A, phường B, thành phố V, tỉnh Hậu Giang. Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Phan Thanh G.

Địa chỉ nơi công tác: Công an phường B, thành phố V, tỉnh Hậu Giang – số 115, đường D, khu vực C, phường B, thành phố V, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Lê Nam T trình bày:*

Vào ngày 06/3/2021, ông Phan Thanh G có vay của ông số tiền 60.000.000 đồng và cam kết trả trong thời hạn 03 ngày (ngày 09/3/2021) sẽ hoàn lại cho ông số tiền trên. Khi vay, ông G có ghi biên nhận. Tuy nhiên, từ ngày 09/3/2021 đến nay, ông G cố tình trốn tránh, không trả lại số tiền trên. Sau đó, ông G có trả

được số tiền 20.000.000 đồng, còn nợ lại 40.000.000 đến nay không trả.

Vì vậy, ông làm đơn khởi kiện yêu cầu ông Phan Thanh G phải trả tiền còn nợ tổng cộng là 42.240.000 đồng, trong đó, nợ gốc là 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) và nợ lãi là 2.240.000 đồng (Hai triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng). Ngoài ra, không yêu cầu gì thêm.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông G đã trả được 6.000.000 đồng nên ông chỉ yêu cầu ông G trả nợ gốc là 34.000.000 đồng (Ba mươi bốn triệu đồng), yêu cầu lãi chậm thi hành án theo quy định của pháp luật; đồng thời, rút lại yêu cầu bị đơn ông G phải trả lãi suất. Ngoài ra, không yêu cầu gì thêm.

*Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Phan Thanh G vắng mặt nên chưa có ý kiến trình bày.*

Tại phiên tòa, ông T vẫn giữ nguyên ý kiến, ông G vắng mặt nên chưa có ý kiến trình bày.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] *Về quan hệ pháp luật:* ông Lê Nam T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Phan Thanh G trả lại số tiền đã vay nên Tòa án xác định đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về thẩm quyền giải quyết:* bị đơn ông Phan Thanh G công tác tại Công an phường B, thành phố V, tỉnh Hậu Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về xét xử vắng mặt:* bị đơn ông Phan Thanh G đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Phan Thanh G.

[4] *Về số tiền nợ gốc:* trong quá trình giải quyết vụ án, ông Lê Nam T cung cấp được Tờ cam kết (không đề ngày) có chữ ký của ông Phan Thanh G, trong đó, có thể hiện nội dung: “Đến ngày 30/6/2021, tôi sẽ trả trước 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) còn lại số tiền 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) tôi cam kết sẽ trả mỗi tháng 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), bắt đầu từ ngày 30/7/2021”. Do đó, có căn cứ xác định ông Phan Thanh G có vay của ông Lê Nam T số tiền gốc là 60.000.000 đồng. Đồng thời, ông G cũng không cung cấp được chứng cứ gì chứng minh ông G không có nợ hoặc đã trả lại cho ông T số tiền nêu trên. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, ông T thừa nhận ông G có trả được 20.000.000 đồng như cam kết và sau đó, trong quá trình

giải quyết, ông G trả thêm được 6.000.000 đồng. Vì vậy, nguyên đơn ông T đồng ý khấu trừ số tiền đã nhận vào số tiền gốc, chỉ yêu cầu ông Phan Thanh G trả lại số tiền nợ gốc là 34.000.000 đồng. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của nguyên đơn và phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông Phan Thanh G phải trả lại số tiền đã vay là 34.000.000 đồng (*Ba mươi bốn triệu đồng*) là có căn cứ và phù hợp với Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] *Về lãi suất*: trong quá trình giải quyết vụ án, ông T rút lại yêu cầu tính lãi suất, **chỉ yêu cầu lãi chậm thi hành án theo quy định của pháp luật**. Xét thấy, việc ông T rút lại yêu cầu là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ đối với yêu cầu này theo quy định tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

[6] *Về án phí*: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Ông Lê Nam T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Ông Phan Thanh G phải chịu án phí theo quy định của pháp luật là  $34.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 1.700.000 \text{ đồng}$  (Một triệu bảy trăm nghìn đồng).

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 244 và 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các **điều 357, 463 và 466** Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Nam T.

1. Buộc ông Phan Thanh G phải có trách nhiệm trả cho ông Lê Nam T số tiền vay còn nợ là 34.000.000 đồng (*Ba mươi bốn triệu đồng*).

2. Đình chỉ đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu ông Phan Thanh G phải trả tiền lãi. Các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về lãi suất theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí:

Bị đơn ông Phan Thanh G phải chịu 1.700.000 đồng (Một triệu bảy trăm nghìn đồng).

Ông Lê Nam T được nhận lại 1.056.000 đồng (Một triệu không trăm năm mươi sáu nghìn đồng) số tiền tạm ứng án phí ông Lê Nam T đã nộp theo biên lai

số 0001037 ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vị Thanh.

4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND TP Vị Thanh;
- Chi cục THADS TP Vị Thanh;
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Huỳnh Xuân Tình**